

**TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN HÌNH CẤP VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 127/VTVcab

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2022

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN của BCTC hợp nhất quý 4 năm 2021 thay đổi từ 10% trở lên so với BCTC cùng kỳ năm trước

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam

Mã chứng khoán: CAB

Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 06/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2021 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

CHỈ TIÊU	Quý 4/2021	Quý 4/2020	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	626.957.047.259	648.813.161.811	(21.856.114.552)	-3,4%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	4.025.000	1.750.000	2.275.000	130,0%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	626.953.022.259	648.811.411.811	(21.858.389.552)	-3,4%
4. Giá vốn hàng bán	451.309.772.628	454.750.358.757	-3.440.586.129	-0,8%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	175.643.249.631	194.061.053.054	(18.417.803.423)	-9,5%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.007.232.836	710.996.407	296.236.429	41,7%
7. Chi phí tài chính	3.234.730.419	5.452.712.301	(2.217.981.882)	-40,7%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	2.896.507.682	5.226.999.234	(2.330.491.552)	-44,6%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	2.464.513.226	(4.402.025.846)	6.866.539.072	156,0%

9. Chi phí bán hàng	65.512.644.876	85.153.266.881	(19.640.622.005)	-23,1%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.715.206.452	61.231.032.206	3.484.174.246	5,7%
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	45.652.413.946	38.533.012.227	7.119.401.719	18,5%
12. Thu nhập khác	1.100.810	1.207.922.098	(1.206.821.288)	-99,9%
13. Chi phí khác	584.104.859	180.984.080	403.120.779	222,7%
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(583.004.049)	1.026.938.018	(1.609.942.067)	-156,8%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	45.069.409.897	39.559.950.245	5.509.459.652	13,9%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.997.070.889	8.932.355.473	(2.935.284.584)	-32,9%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(539.134.955)	973.388.773	(1.512.523.728)	-155,4%
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	39.611.473.963	29.654.205.999	9.957.267.964	33,6%

Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2021 tăng 33,6% so với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2020 của VTVcab. Nguyên nhân: Trong quý 4 năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến rất phức tạp đã khiến doanh thu của VTVcab trong Quý 4 năm 2021 sụt giảm 3,4% so với Quý 4 năm 2020. Tuy nhiên, VTVcab đã thực hiện tiết giảm tối đa các khoản chi phí so với Quý 4 năm 2020, cụ thể: chi phí tài chính giảm 40,7% (chủ yếu là chi phí lãi vay), chi phí bán hàng giảm 23,1%. Theo đó, tổng lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2021 của VTVcab đã tăng so với cùng kỳ năm trước. ✓

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Ngọc Huân